

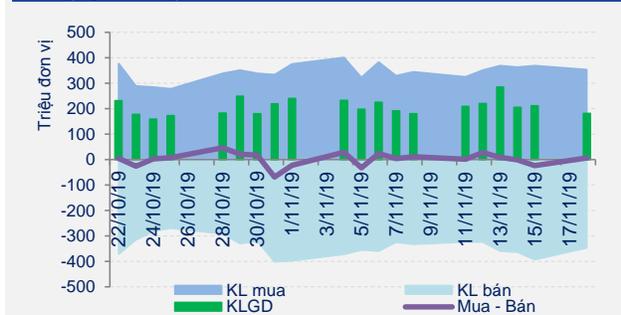
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/11/19

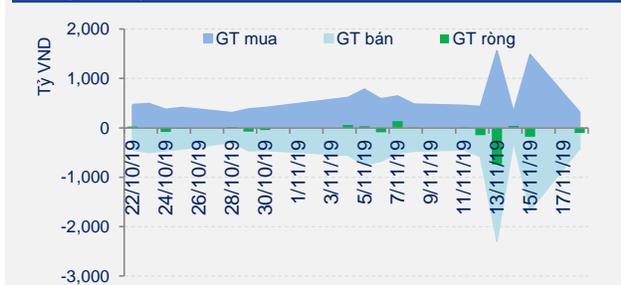
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,002.91	105.15
% Thay đổi	↓ -0.70%	↓ -0.83%
KLGD (CP)	180,944,000	20,541,253
GTGD (tỷ đồng)	3,854.95	247.74
Tổng cung (CP)	347,467,230	46,526,000
Tổng cầu (CP)	353,254,970	41,757,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	10,357,280	319,830
KL mua (CP)	9,448,730	315,700
GTmua (tỷ đồng)	315.07	2.61
GT bán (tỷ đồng)	420.84	3.03
GT ròng (tỷ đồng)	(105.77)	(0.42)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.70%	13.1	2.6	4.9%
Công nghiệp	↓ -0.10%	14.4	2.9	26.9%
Dầu khí	↓ -0.91%	21.0	2.1	1.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.63%	16.9	4.6	5.9%
Dược phẩm và Y tế	↓ 0.00%	13.7	2.5	3.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.62%	19.6	5.6	10.5%
Ngân hàng	↓ -1.62%	11.9	2.4	18.7%
Nguyên vật liệu	↑ 0.64%	13.5	1.6	6.4%
Tài chính	↓ -0.60%	21.9	4.3	16.6%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.58%	14.8	3.2	5.0%
VN - Index	↓ -0.70%	16.5	3.9	114.6%
HNX - Index	↓ -0.83%	9.3	1.7	-14.6%

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản giảm nhẹ. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 7,12 điểm (-0,7%) xuống 1.002,91 điểm; HNX-Index giảm 0,88 điểm (-0,83%) xuống 105,15 điểm. Thanh khoản trên hai sàn giảm nhẹ so với phiên cuối tuần trước và thấp mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 4.446 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 205 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 827 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 213 mã tăng, 120 mã tham chiếu, 291 mã giảm. Thị trường tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, nhưng áp lực bán gia tăng ngay sau đó đã khiến các chỉ số đồng loạt giảm xuống dưới tham chiếu và kết phiên trong sắc đỏ. Nhóm cổ phiếu trụ cột chịu áp lực bán và phần lớn kết phiên trong sắc đỏ như VCB (-2,3%), VIC (-1,3%), VNM (-1,8%), BID (-1,7%), TCB (-1,8%), CTG (-1,4%), PLX (-1,2%)... Ở chiều ngược lại, một số trụ cột vẫn duy trì được sắc xanh như GAS (+0,5%), HPG (+1,1%), SAB (+0,4%), POW (+1,5%)... Nhóm cổ phiếu chứng khoán cùng chung xu hướng với thị trường và đồng loạt giảm giá như HCM (-3,2%), SSI (-0,5%), SHS (-3,5%), VND (-1,4%)... TTB (-6,8%) giảm sàn phiên thứ 7 liên tiếp xuống mức giá 11.550 đồng, khớp lệnh 6.710 cổ phiếu và còn dư bán sàn gần 4,8 triệu đơn vị.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần với việc chỉ số VN-Index lui về vùng hỗ trợ 1.000-1.008 điểm (ngưỡng tâm lý-MA20) để tìm kiếm lực cầu bắt đáy. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên cuối tuần trước cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh. Bên cạnh đó, VN-Index đang rất gần ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm và chỉ báo động lượng RSI cũng đã về gần trendline hỗ trợ kể từ tháng 10/2018 đến nay nên có thể kỳ vọng về một phiên hồi phục sẽ sớm diễn ra. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 11 diễn biến tích cực hơn chỉ số cơ sở, qua đó nói rộng basis dương lên 8,05 điểm; trong bối cảnh chỉ còn 3 phiên nữa là đáo hạn thì có thể cho rằng nhà đầu tư đang kỳ vọng vào việc thị trường sẽ sớm hồi phục trở lại. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với mục tiêu là ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 1.008 điểm (MA20). Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể tiếp tục nắm giữ danh mục đã mua và tận dụng những phiên điều chỉnh để tích lũy thêm ở mức giá hấp dẫn hơn. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mua vào trong phiên giao dịch hôm nay có thể tiếp tục tích lũy thêm cổ phiếu nếu như thị trường có những nhịp test lại ngưỡng 1.000 điểm trong phiên tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/11/19

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 1.012,09 điểm. Nhưng từ khoảng 10h trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm dần xuống sắc đỏ và đà giảm mạnh dần về chiều, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.002,63 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 7,12 điểm (-0,7%) xuống 1.002,91 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 2.100 đồng, VIC giảm 1.500 đồng, VNM giảm 2.200 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS tăng 500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 106,338 điểm. Tuy nhiên, ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi dần xuống sắc đỏ và đà giảm mạnh dần về chiều, với mức thấp nhất trong phiên tại 105,024 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,88 điểm (-0,83%) xuống 105,15 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB giảm 300 đồng, MBG giảm 5.200 đồng, SHB giảm 100 đồng. Ở chiều ngược lại, VNT tăng 4.400 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 105,86 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 940 nghìn cổ phiếu. VNM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 80 tỷ đồng tương ứng với 661 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VIC với 75,4 tỷ đồng tương ứng với 631 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VRE là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 80,1 tỷ đồng tương ứng với 2,3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 434,26 triệu đồng tương ứng với khối lượng ròng 4,1 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,2 tỷ đồng tương ứng với 63,6 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là DGC với 583 triệu đồng tương ứng với 21,9 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHB là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,2 tỷ đồng tương ứng với 188 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm điểm trong phiên giao dịch đầu tuần và chỉ số hiện kết phiên trong vùng 1.000-1.008 điểm (ngưỡng tâm lý-MA20), khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp mức trung bình 20 phiên với 165 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 1.008 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 997 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 980 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với mục tiêu là ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 1.008 điểm (MA20).

HNX-Index:



HNX-Index điều chỉnh trong phiên giao dịch đầu tuần và chỉ số hiện kết phiên dưới ngưỡng 105,2 điểm (MA200), khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 18,7 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 105,8 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 104,8 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 105,2 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/11, HNX-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với vùng kháng cự trong khoảng 105,2-105,8 điểm (MA20-200).

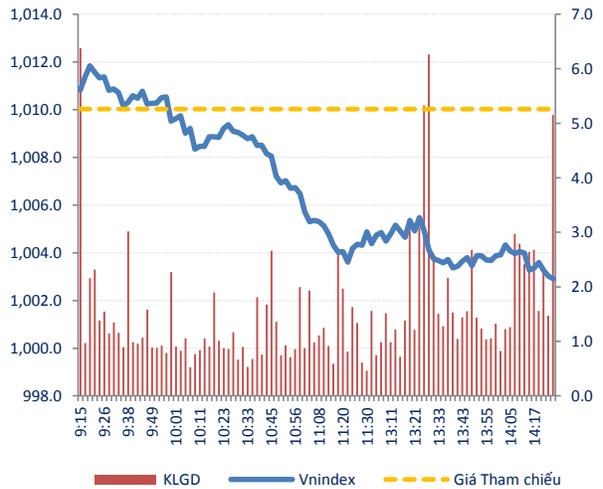


TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 41,2 - 41,4 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 80.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.
Tỷ giá trung tâm giảm 4 đồng	Ngày 18/11, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.140 đồng (giảm 4 đồng so với ngày hôm qua).
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 8,65 USD/ounce tương ứng 0,59% xuống mức 1.459,85 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tại thời điểm 15 giờ, chỉ số US Dollar Index (DXY) giảm 0,083 điểm tương ứng với 0,08% xuống 97,916 điểm. USD giảm so với EUR xuống mức: 1 EUR đổi 1,1062 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,2953 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 108,94 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,06 USD/thùng tương ứng 0,1% xuống mức 57,77 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/11, chỉ số Dow Jones tăng 222,93 điểm tương ứng 0,8% lên 28.004,89 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 61,81 điểm tương ứng 0,73% lên 8.540,83 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 23,83 điểm tương ứng 0,77% lên 3.120,46 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

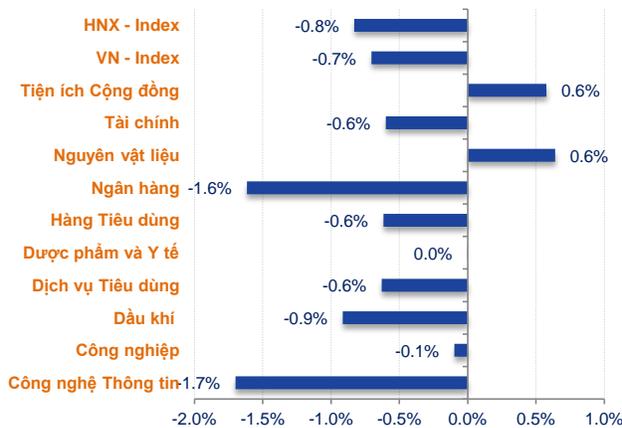
KLGD và VN-Index trong phiên



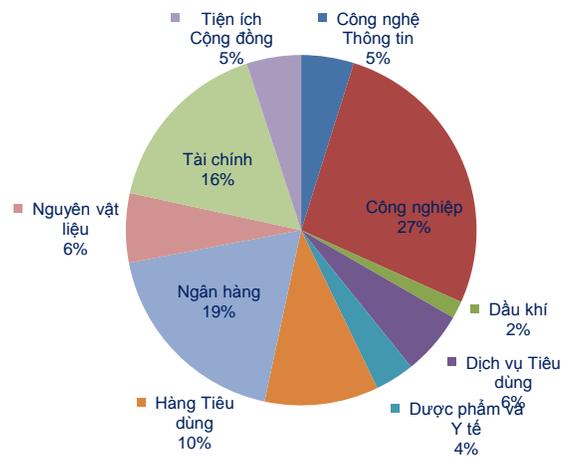
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



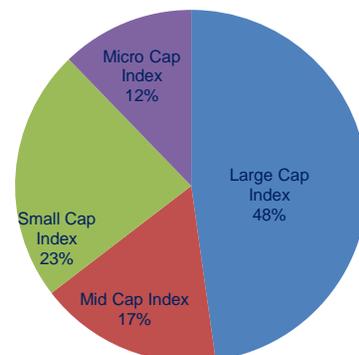
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	2,275,720	POW	974,450
2	HDB	766,530	DXG	669,200
3	HPG	362,160	VNM	660,550
4	LCG	268,580	VIC	630,690
5	GAS	200,040	ROS	429,210

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	188,000	PVX	125,000
2	LAS	30,000	PVS	63,600
3	PVI	15,000	PVG	33,300
4	VIG	13,900	PTI	23,300
5	SD6	11,900	DGC	21,865

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	24.90	25.20	↑ 1.20%	29,102,880
FLC	4.16	4.03	↓ -3.13%	13,350,250
HVG	6.73	6.40	↓ -4.90%	8,767,210
VRE	35.20	35.20	→ 0.00%	5,992,350
CTG	21.70	21.40	↓ -1.38%	5,910,220

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ACB	24.40	24.10	↓ -1.23%	2,764,359
SHB	6.60	6.50	↓ -1.52%	2,438,038
AMV	19.30	19.80	↑ 2.59%	1,919,839
NVB	9.10	9.00	↓ -1.10%	1,424,000
PVS	18.80	18.80	→ 0.00%	1,029,909

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CHPG1905	1.12	1.20	0.08	↑ 7.14%
VPK	2.00	2.14	0.14	↑ 7.00%
HAI	2.15	2.30	0.15	↑ 6.98%
NAV	9.35	10.00	0.65	↑ 6.95%
EMC	10.80	11.55	0.75	↑ 6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNT	44.80	49.20	4.40	↑ 9.82%
TIG	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%
PDC	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%
VTJ	6.20	6.80	0.60	↑ 9.68%
SGH	34.50	37.80	3.30	↑ 9.57%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CHPG1902	0.07	0.05	-0.02	↓ -28.57%
CFPT1907	3.90	3.24	-0.66	↓ -16.92%
CFPT1903	14.00	12.46	-1.54	↓ -11.00%
CVNM1901	0.10	0.09	-0.01	↓ -10.00%
CFPT1905	9.35	8.46	-0.89	↓ -9.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GMX	28.00	25.00	-3.00	↓ -10.71%
MBG	52.20	47.00	-5.20	↓ -9.96%
HLY	49.50	44.60	-4.90	↓ -9.90%
VE1	9.20	8.30	-0.90	↓ -9.78%
TKC	7.30	6.60	-0.70	↓ -9.59%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	29,102,880	2.9%	299	84.4	2.4
FLC	13,350,250	3250.0%	405	10.0	0.3
HVG	8,767,210	-25.5%	(2,174)	-	1.0
VRE	5,992,350	9.4%	1,141	30.8	2.9
CTG	5,910,220	8.6%	1,643	13.0	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	2,764,359	25.1%	3,581	6.7	1.6
SHB	2,438,038	13.6%	1,963	3.3	0.4
AMV	1,919,839	37.0%	6,021	3.3	1.2
NVB	1,424,000	1.2%	127	70.9	0.9
PVS	1,029,909	7.7%	2,057	9.1	0.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG190	↑ 7.1%	N/A	N/A	N/A	N/A
VPK	↑ 7.0%	-39.9%	(2,657)	-	0.4
HAI	↑ 7.0%	2.3%	265	8.7	0.2
NAV	↑ 7.0%	15.4%	1,863	5.4	0.8
EMC	↑ 6.9%	0.3%	33	354.9	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNT	↑ 9.8%	3.9%	721	68.2	2.8
TIG	↑ 9.8%	6.9%	893	6.3	0.5
PDC	↑ 9.8%	-1.6%	(160)	-	0.4
VTJ	↑ 9.7%	8.0%	795	8.6	0.7
SGH	↑ 9.6%	12.8%	1,694	22.3	2.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	2,275,720	9.4%	1,141	30.8	2.9
HDB	766,530	17.9%	3,327	8.6	1.4
HPG	362,160	17.0%	2,664	8.6	1.4
LCG	268,580	14.4%	2,220	3.8	0.5
GAS	200,040	26.0%	6,351	17.1	4.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	188,000	13.6%	1,963	3.3	0.4
LAS	30,000	3.6%	407	15.7	0.6
PVI	15,000	10.0%	3,046	10.5	1.1
VIG	13,900	-11.7%	(719)	-	0.2
SD6	11,900	1.3%	175	17.2	0.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	395,155	4.0%	1,361	86.7	5.1
VCB	324,898	26.3%	5,269	16.6	4.0
VHM	322,558	31.9%	5,276	18.3	6.0
VNM	210,358	38.2%	6,134	19.7	7.7
GAS	207,664	26.0%	6,351	17.1	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	39,922	25.1%	3,581	6.7	1.6
VCS	13,632	45.7%	8,601	9.9	4.4
VCG	12,103	8.8%	1,563	17.5	1.8
PVS	8,986	7.7%	2,057	9.1	0.7
SHB	7,820	13.6%	1,963	3.3	0.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HVG	4.28	-25.5%	(2,174)	-	1.0
PTC	3.52	8.8%	1,064	5.6	0.4
HCM	2.51	10.3%	1,448	16.7	1.7
HVX	2.40	2.7%	287	10.4	0.3
PXS	2.40	-22.3%	(2,121)	-	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	3.60	0.2%	21	116.9	0.2
DST	3.33	-3.3%	(353)	-	0.1
SRA	2.90	31.5%	6,572	1.4	0.5
ALT	2.86	4.6%	1,712	7.7	0.4
SDG	2.73	10.3%	5,210	7.3	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
